

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship U8

Organizer(s) : Chinese Chess Association
 Tournament Director : Sainbayar Tserendorj 4901614
 Chief Arbiter : KK Chan 6000991
 Deputy Chief Arbiter : Li Ang 8606870, Liang Zhihua 8600562
 Arbiter : FA Wang, Xinyue 8603960, FA Lai, Robin 6000436, FA Chuah, Jin Hai Jonathan 5700876, NA Yin Hongbin 8
 Town : Yangjing Juyuan Experimental School, Shanghai, China
 Rating-Ø : 1060
 Date : 2018/08/02 To 2018/08/09

Round 5 on 2018/08/05 at 09:00

Bo.	SNo.	Name	FED	Pts	Res.	Pts	FED	Name	SNo.
1	1	Ang Ern Jie Anderson	MAS	4	0/0/0	4	MGL	Zev Ganganbars	5
2	9	Chen Ryo	JPN	3	0/0/0	3	MGL	Tenguundalai Ganbat	2
3	3	Enkhsuld Odbaatar	MGL	3	0/0/0	3	HKG	Zhang Edmond	29
4	13	Hou Yixuan	CHN	3	1/0	3	THA	Samatthanan Theerath	6
5	7	Peramunetilleke Savin Kavindu	HKG	2½	0/1	2½	CHN	Zhang Enming	30
6	31	Zhang Qiawang	CHN	2½	0/1	2½	CHN	Ni Xuehao	20
7	19	Luk Danbe Kin Tsun	HKG	2½	1/0	2	AFM HKG	Lam Chun Yung Samuel	4
8	11	Guo Yifei	CHN	2	0/1	2	CHN	Shen Sicen	21
9	27	Yang Yun-Jui	TPE	2	0/0/0	2	SGP	Lim Zhe Yi Gerrard	14
10	23	Tan Darren Emmanuel Aprilio	INA	2	1/0	2	CHN	Lin Qingshi	16
11	17	Liu Sixing	CHN	2	0/0/0	2	SGP	Tan Yi Rui Ray	24
12	25	Tang Gen	CHN	2	0/1	1½	CHN	Yu Yiyang	28
13	15	Lin Leon Brian	TPE	1	1/0	1	HKG	Chan Tai Yuen Gabriel	8
14	33	Zhao Yifan	CHN	1	0/1	1	CHN	Guo Yiyang	12
15	34	Zhu Minghaoyang	CHN	1	0/1	1	CHN	Xu Zheqing	26
16	22	Sun Zhichen	CHN	½	0/1	1	CHN	Zhang Yicheng	32
17	18	Liu Zitong	CHN	0	0/1	½	CHN	Chen Siyuan B	10

Program **Swiss-Manager** developed and copyright © by DI Heinz Herzog, 1230 Vienna Joh. Teufelg. 39-47/7/9,
 Mail: h.herzog@swiss-manager.at, homepage <http://swiss-manager.at>, User: Chinesechessassociation, 2018/07/29
 Details on this tournament can be found on <http://chess-results.com>

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship U8

Organizer(s) : Chinese Chess Association
 Tournament Director : Sainbayar Tserendorj 4901614
 Chief Arbiter : KK Chan 6000991
 Deputy Chief Arbiter : Li Ang 8606870, Liang Zhihua 8600562
 Arbiter : FA Wang, Xinyue 8603960, FA Lai, Robin 6000436, FA Chuah, Jin Hai Jonathan 5700876, NA Yin Hongbin 8
 Town : Yangjing Juyuan Experimental School, Shanghai, China
 Rating-Ø : 1060
 Date : 2018/08/02 To 2018/08/09

Round 5 on 2018/08/05 at 09:00

Bo.	SNo.	Name	FED	Pts	Res.	Pts	FED	Name	SNo.
1	1	Ang Ern Jie Anderson ✓	MAS	4	1/2-1/2	4	MGL	Zev Ganganbars ✓	5
2	9	Chen Ryo ✓	JPN	3	1/2-1/2	3	MGL	Tenguundalai Ganbat ✓	2
3	3	Enkhsuld Odbaatar ✓	MGL	3	1/2-1/2	3	HKG	Zhang Edmond ✓	29
4	13	Hou Yixuan ✓	CHN	3	1-0	3	THA	Samatthanan Theerath ✓	6
5	7	Peramunetilleke Savin Kavindu ✓	HKG	2½	0-1	2½	CHN	Zhang Enming ✓	30
6	31	Zhang Qiwan ✓	CHN	2½	0-1	2½	CHN	Ni Xuehao ✓	20
7	19	Luk Danbe Kin Tsun ✓	HKG	2½	1-0	2	AFM HKG	Lam Chun Yung Samuel ✓	4
8	11	Guo Yifei ✓	CHN	2	0-1	2	CHN	Shen Sicen ✓	21
9	27	Yang Yun-Jui	TPE	2	1/2-1/2	2	SGP	Lim Zhe Yi Gerrard	14
10	23	Tan Darren Emmanuel Aprilio	INA	2	1-0	2	CHN	Lin Qingshi	16
11	17	Liu Sixing	CHN	2	1/2-1/2	2	SGP	Tan Yi Rui Ray	24
12	25	Tang Gen	CHN	2		1½	CHN	Yu Yiyang	28
13	15	Lin Leon Brian	TPE	1	1-0	1	HKG	Chan Tai Yuen Gabriel	8
14	33	Zhao Yifan	CHN	1	0-1	1	CHN	Guo Yiyang	12
15	34	Zhu Minghaoyang	CHN	1	0-1	1	CHN	Xu Zheqing	26
16	22	Sun Zhichen	CHN	½	0-1	1	CHN	Zhang Yicheng	32
17	18	Liu Zitong	CHN	0	0-1	½	CHN	Chen Siyuan B	10

Program **Swiss-Manager** developed and copyright © by DI Heinz Herzog, 1230 Vienna Joh. Teufelg. 39-47/7/9,
 Mail: h.herzog@swiss-manager.at, homepage <http://swiss-manager.at>, User: Chinesechessassociation, 2018/07/29
 Details on this tournament can be found on <http://chess-results.com>

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.08.05 轮次 Round: 5 台次 Board: 1
 白方 White Ang E 国籍 Federation MAS 等级分 Rating 1193, 1592
 黑方 Black zev 国籍 Federation M, Gh 等级分 Rating 1125, 93

组别 Group
U8

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	Kc3	d5
2	e7	de
3	Ke4	Cf5
4	Ka3	Cg6
5	dKe3	Kf6
6	Cc4	e6
7	d3	h6
8	Ke5	Ch7
9	Qf3	c6
10	Cd2	Cd6
11	Kd4	Kbd7
12	o-o-o	Qe7
13	de1	o-o-o
14	Ke3	Ke5
15	Qe2	Qe7
16	Cb3	Ce5
17	Ke4	Cd3
18	Qe5	Cd4
19	Qe7	Kpe7
20	Cd4	Cf2
21	Cd4	Kp08
22	Ah1	Ke5
23	Cd5	cd
24	Nacl	Cb6
25	Kh5	Ng8
26	Ar3	C#6
27	Je3	Kpa7
28	ce3	Ca5
29	Na3	Cb6
30	Cb6	ab

	White	Black
31	C4	Kp06
32	hcd	de5
33	de5	Kpd5
34	Kpd2	e5
35	Ad3	Kp06
36	Ka3	Ng8
37	Qpe3	Kpe3g6
38	Ac3	Kpd7
39	Ke4	de6
40	Ad3	Kp06
41	Ad8	#5
42	Kd2	Ad6
43	Ad6	Kp06
44	b4	g5
45	Kpa3	h5
46	g4	Kpb5
47	g5-e4	Kp06
48	e3	Kpb27
49	#4	Ke2
50	#3	gf
51	gf	g
52	CKd4	r2
53	K#5	Kpe5
54	Kd6	Kp04
55	Ke4	h1
56	Kpb8	Kpe3
57	h3	Kp02
58	Kd2	Kp0h3
59	ch	Kp03
60	h5	h3

	White	Black
61	d3	h2
62	Ke4	Kpe3
63	Ka2	Kpe2
64	d2	h1(Q)
65	Qd(Q)	Qh8
66	Kpd7	Qd7
67	Kpb6	Qd4
68	Kpb5	Qd3
69	Kpb5	Qd3
70	Kpb5	Qd3
71	Kpa4	Qd1
72	Kpb5	Qd3
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White 	黑方 Black <u>zev</u>
裁判 Arbiter 	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 5/8/18 轮次 Round: 5 台次 Board: 1
 白方 White Anderson Ang 国籍 Federation Malaysia 等级分 Rating 1592
 黑方 Black Zev 国籍 Federation Mongolia 等级分 Rating 1193
Ganganbars 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

组别 Group
U8

	White	Black
1	NC3	d5
2	e4	c1xe4
3	Nxe4	Bf5
4	Ng3	Bg6
5	Nf3	Nf6
6	BC4	eb
7	d3	nb
8	Ne5	Bh7
9	Qf3	cb
10	Bd2	Bd6
11	Ng4	Nbd7
12	0-0-0	Qe7
13	Rde1	0-0-0
14	Ne3	Ne5
15	Qe2	Qe7
16	Bb3	Bc5
17	NC4	Brd3
18	Qxe5	Bxc4
19	Qxc7	Kxc7
20	Bxc4	BxR2
21	Bf4	Kc8
22	Rd1	Nd5
23	Bxd5	crd5
24	Rh1	Bb6
25	Nh5	Rg8 Rg8
26	Rf3	f6
27	Rc3	Kd7
28	Be3	B5
29	Rg3	Bb6
30	Bxb6	axb6

	White	Black
31	C4	Kc6
32	Cxb5	Rd5
33	Rd5	Kf5
34	Kd2	e5
35	Rb1	Kc6
36	Ng3	Re5
37	Ke3	g6
38	Rc3	Kd7
39	Nf4	Re6
40	Rd3	Kc6
41	Rd6	f5
42	NC3	Rd6
43	Rxd6	Krd6
44	b4	g5
45	Kd3	h5
46	Kf4	g4
47	Kb5	e4
48	Kf6	e3
49	Kf5	f4
50	Ne2	f3
51	gxf4	gxf3
52	Nd4	f2
53	Nf5	Kf5
54	Nre3	Kf4
55	Nf1	h4
56	Kb6	Kf3
57	h3	Kg2
58	Nd2	Khh3
59	a4	Kg3
60	af5	h3

	White	Black
61	ab	h2
62	Ne4	Kf3
63	Nf2	Kf2
64	g7	h1=Q
65	af=Q	Kf=Q
66	Kb7	Qd7
67	Kb6	Qd4
68	Kf5	Qd3
69	Kf5	Qc3
70	Kb5	Qd3
71	Kf4	Qd1
72	Kb5	Qd3
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
	<u>ZEV</u>
裁判 Arbiter	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 3 台次 Board: 2 组别 Group: U8
 白方 White: Rtochen 国籍 Federation: JPN 等级分 Rating: _____
 黑方 Black: Tenunida 国籍 Federation: MACROSA 等级分 Rating: 1405
 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	b6
2	d4	e6
3	b3	b7
4	a3	c5
5	c3	Ng6
6	Q5	Ng8
7	Qd	Nf6
8	Nc2	Re8
9	Nd4	c4
10	Bc2	Qc7
11	Bd4	f6
12	Ndb	Bb6
13	Qd	Qc7
14	Re1	Nd8
15	Qd8	Bf8
16	Qf	Ke7
17	h4	e6
18	Bd4	Nb7
19	Qc7	Qb7
20	Qc7	h5
21	Kh2	Nf6
22	Bb6	Rh6
23	Qh4	Qd5
24	Rg1	Rc6
25	Qc3	Qb6
26	f4	g6
27	Q	Qd
28	Rc7	Qb6
29	Qc7	Qf5
30	Qc7	Re5

	White	Black
31	Qe3	Qc6
32	Qf3	Qh4
33	Rb5	Rc7
34	Qg4	Qg4
35	Rf5 Qe3 Rb5	Rb5
36	Rdb	B5
37	Re2	f5
38	f3	Qf
39	Ne3	Re5
40	a5	Rb5
41	Rd7	Rc6
42	Rd7	Nf8
43	Re7	Rb5
44	Ra6	Rb5+
45	Kf2	Rh3
46	Ne3	Rh4
47	Ne3	Rg4
48	Kf8	Qd7
49	Ne7	Rf6
50	a5	ba
51	Rg4	Re7
52	Kf8	Rb2
53	Rab	Qd7
54	Rcb	Ke7
55	Rc4	Rb6
56	Re8	Re7
57	Rc4	Rb6
58	Ne3	Nd5
59	Ne4	Rb5
60	Ne3	Rb8

	White	Black
61	Qc4	Rh4
62	Rb4	
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>Rtochen</u>	黑方 Black <u>JTL</u>
裁判 Arbiter <u>Wen</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 5 台次 Board: 2 组别 Group: V8
 白方 White Ryochea 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____
 黑方 Black Tengcuo 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	B6	31	Qe3	Qe6	61	Rc4	Kb5
2	d4	e6	32	Qe3	Qd4	62	Rb4+	Rb4
3	Bd3	Bb7	33	Rxd5	Rc7	63	Cxb4	Kxb4
4	Nf3	c5	34	Qxe4	Kxg4	64	Kd4	Kb5
5	c3	Nf6	35	Kg3	Rb5	65	Kd5	Kb6
6	e5	Ng2	36	Rd6	Rb3	66	Ke6	Kc6
7	0-0	Nc6	37	Re2	f5	67	Kb6	Kc6
8	Nb2	Rc8	38	e3	g5	68	Kd6	Kb6
9	Ne4	Cf4	39	Kxh3	Rd5	69	Kxg6	Ke6
10	Bc2	2.6.5	40	B5a3	Rb5	70	Kg5	Kd7
11	Bf4	f6	41	Rg2	Rc5	71	Kg4	Kd6
12	Nh4	Bxh6	42	Rd7+	Kc5	72	Kg4	Kd7
13	exd6	Qb5	43	Ra7	Pd5	73		
14	Rc1	Nb8	44	Rxh6	Kd7	74		
15	Qd2	Bxf3	45	Kf2	Qd4	75		
16	g4	Kc7	46	h4	Rxh4	76		
17	h4	d5	47	Ke3	Rg4+	77		
18	Bc4	Nb7	48	Ke3	Rd7	78		
19	Bxb7	Qxb7	49	Kxg2	Re5	79		
20	Qe3	B5	50	d5	h4	80		
21	Kh2	Nh6	51	Rxh5	Re2+			
22	Bxh6	Rxh6	52	Ke3	Rxh2			
23	Qe4	Qd5	53	Rd6+	Ke7			
24	Rg1	Rc6	54	Rc6	Ke7			
25	Qg3	Qd6	55	Rxc4	Rb6			
26	f4	g6	56	Rc8	Ke7			
27	d5	Ed	57	Rc4	Kd5			
28	Ra1	Qe6	58	H5e3	Kd5			
29	Rg1	Qc5	59	Rd4+	Kc5			
30	Qe3	Rc5	60	Kd3	Rb1			

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
<u>Ryochea</u>	<u>TTC</u>

裁判 Arbiter



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 8/4 轮次 Round: 5 台次 Board: 13
 白方 White Zhuoqing 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____
 黑方 Black Zhang Edmond 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

组别 Group
U8

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	C4	E6	31	PPA7	PPR7	61		
2	G3	d5	32	MG2	HF8	62		
3	e6	e6	33	HG7	MAB	63		
4	FG2	MF6	34	MP7	MC7	64		
5	MF3	TE7	35	HP7	MP5	65		
6	O-O	O-O	36	MJ2	MC3	66		
7	d3	C5	37	TPA3	HE8	67		
8	MBd2	MC6	38	MA2	TF3	68		
9	b3	b6	39	MA2	MB6	69		
10	TPd2	d4	40	FG2	TH6	70		
11	TPC1	TE6	41	TH3	E4	71		
12	MC4	TC4	42	FG4	PE7	72		
13	TPC4	MA5	43	HE1	E6	73		
14	TEC1	TPC3	44	E4	TPD7	74		
15	TE3	E6	45	HJ2	HC7	75		
16	MA2	MC3	46	TE7	TPD7	76		
17	Ee1	MA2	47	HE1	A4	77		
18	TEC2	MB4	48	EA	TPA4	78		
19	CB4	MB4	49	TPA4	MA4	79		
20	TEC1	TEE8	50	TE7	MC3	80		
21	Ee1	TE5	51	TE3	E5			
22	TPA2	TE2	52	TE3 F4	HJ6			
23	b62	MA5	53	HF2	MA5			
24	TE3	EC7	54	HF3	MF6			
25	EC7	EO5	55	b4	MA5			
26	EC4	EO6	56	HF2	MA5			
27	EE6	FE	57	HF3	ME6			
28	TPA4	E5	58	TE7	b4			
29	TEC4	TEC7	59	TE3				
30	TEC1	TEA7	60					

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
<i>Zhuoqing</i>	<i>Zhang Edmond</i>
裁判 Arbiter	
<i>[Signature]</i>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 5 台次 Board: 3

白方 White Imxuyig 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

黑方 Black Zhang Edmond 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

组别 Group

U8

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	c4	e6
2	g3	d5
3	cd	ed
4	Bg2	Nf6
5	Nf3	Be7
6	g0	g0
7	d3	c5
8	Nd2	Ncb
9	b3	h8
10	Bb2	d4
11	Rd1	Be6
12	Nc4	b4
13	Rc4	Nd5
14	Rc1	Rc8
15	Ba3	bb
16	Nd2	Nc3
17	Qe1	Na2
18	Rc2	Na64
19	Bb4	Nb4
20	Rc1	Rc8
21	Qd1	Bg5
22	Rd1	Bg2
23	Qd3	a5
24	Bfg	Qc7
25	Qd1	Qe5
26	Qc4	Qe6
27	Qe6	fe
28	Ra4	e5
29	Bea	Rd7
30	Rc1	Ra7

	White	Black
31	Rfd1	R8e7
32	Kg2	Kf8
33	Kg1	Nab
34	Kf1	Nc7
35	Ke1	Nb5
36	Kd3	Nc3
37	R4g3	Ke8
38	Bg2	Kd7
39	Rf3	Kd6
40	Bg2	Ra6
41	Bh3	e4
42	Bg4	Rf7
43	Ke1	e6
44	e4	Re7
45	Kd2	Ke7
46	Re1	Re1
47	Ke1	a4
48	b9	Ra4
49	Ra4	Na4
50	Bd1	Nc3
51	Bb3	b5
52	f4	Kd6
53	Kf2	Nd5
54	Kf3	Nf6
55	h4	h5
56	Kf2	Nd5
57	Kf3	Nb6
58	Bf7	b4
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
<u>Imxuyig</u>	Zhang Edmond
裁判 Arbiter	
<u>[Signature]</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2016.8.5 轮次 Round: 5 台次 Board: 4
 白方 White: 傅志轩 国籍 Federation: CHN 等级分 Rating: _____
 黑方 Black: Wang Q 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____
 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

组别 Group
U8

	White	Black		White	Black		White	Black
1	C4	C5	31	Bd4	Bd4	61	b5	Bf5
2	Nf3	d6	32	Rd4	Ke6	62	b6	Bc4
3	d4	cd	33	f3	d5	63	Kd6	
4	Nd4	Nf6	34	Kf2	Kd6	64		
5	Nc3	g6	35	Ke3	e5	65		
6	Be2	Bd7	36	Af4	h5	66		
7	Bd3	o-o	37	g4	h8	67		
8	o-o	Nc6	38	f3	Bc4	68		
9	Bb5	Bd7	39	Rh7	Ke6	69		
10	Qe2	Nef4	40	Gf50 g5	Kf5	70		
11	Nc6	Nc3	41	Rf7	Kg1	71		
12	Nd8	Ne2	42	Rd7	Bb3	72		
13	Be2	Rfd8	43	Kf3	Kf5	73		
14	C3	b6	44	Kf7	Ke6	74		
15	Bf2	Rac8	45	Rf8	Ke7	75		
16	e4	b5	46	R.g8	d4	76		
17	Bd7	ea	47	Rd7	Ke8	77		
18	Bb7	Rc7	48	cd	Bd6	78		
19	Bb6	Rb7	49	Ke3	e1	79		
20	R1-16 Rb6	Ke8	50	Kd4	Bb3	80		
21	Ra2	Ke8	51	Ke4	Bc2			
22	Bd5	Bb5	52	Kd4	Kf5			
23	Re1	Kd7	53	Kc3	Bd3			
24	Bb4	Rc7	54	Kb4	Kd4			
25	Rd1	Bh6	55	Rd4	Bc6			
26	Rc4	Bb5	56	Rd7	g5			
27	Rd1	Bf6	57	Kc5	Bf5			
28	Bd5	Rc5	58	Rd8	Kh8			
29	Bb6	Rf5	59	Rh8	Kd2			
30	Rc5	Bb5	60	G30b4	Bf3			

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
裁判 Arbiter	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 5 台次 Board: 3
 组别 Group: U8
 白方 White: 侯喜东 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____
 黑方 Black: The Great 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____
 结果 Result: D.M.G. 0-1 1/2-1/2

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4 1.30	c5 1.21	31	Bd4	Bxd4	61	g5	Bc5
2	Nf3 1.31	d6 1.25	32	Rxd4	Ke6	62		
3	1.1-31	cxd5 1.24	33	f3	d5 1.22	63		
4	Axc3 1.32	Nf5 1.28	34	Kf2	Kd6	64		
5	Nc3 1.32	g6 1.22	35	lce7	e5	65		
6	Be2 1.24	Bb3 Bg7	36	Rh4	hs 0.42	66		
7	Be3 1.24	O-O 1.16	37	g4 1.02	h4 1.04	67		
8	O-O 1.28	Nc6 1.12	38	g4 1.02	fxg4 1.08	68		
9	Bb5 1.25	Bd7 1.15	39	Rh2	Ke6 0.37	69		
10	Qe2 1.21	Nxe4 1.14	40	g5 1.05	Kf5 0.33	70		
11	Nxe6 1.14	Nxc3 1.01	41	Rxf7	Kxc3 0.33	71		
12	Nxd8 1.19	Bxf7	42	Ra5	Bb3	72		
13	Nx02 1.10	Rfx08 1.00	43	Kf3	Kf5	73		
14	c3 1.19	b6 1.10	44	Rf7	Ke7 1.02	74		
15	Bc3 1.18	Rac8 0.59	45	Rf8	Ke7	75		
16	a4 1.17	b5 0.45	46	Rd8	g4	76		
17	Bxa7	Bxa4 0.30	47	Rd7 4	Kd6	77		
18	Bb7 1.16	Rc7 1.00	48	fxd4	Bd5	78		
19	Bbb4 1.16	Rxb7	49	Ke3	exd5	79		
20	Bxd8 1.16	Kf8	50	Kxd5	Bb3 0.50	80		
21	Ra2 1.16	Ke8	51	Kc4	Bc5			
22	Ba5 1.17	Bf5 0.49	52	Kd4 1.01	Kd5			
23	Re1	Ke7 0.49	53	Ke3	Bb3			
24	Bd4 1.16	Rc7 0.46	54	Ke4	Kf5			
25	Rd1 1.15	Bh6 0.48	55	Rca4	Beb			
26	Re4 1.15	Bg5 0.46	56	Ra7	g5			
27	Rd1	Bb6	57	Ke5	Rf5			
28	Ba5	Ra5 0.44	58	Ra5	Kf3			
29	Bb6	Res	59	Rh8	h2			
30	Rxe5	Bc5	60	B4	Bd3			

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
裁判 Arbiter	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 5/8/18 轮次 Round: 5 台次 Board: 5
 白方 White: Savin 国籍 Federation: HKG 等级分 Rating: 1044
 黑方 Black: 张恩铭 国籍 Federation: 中国 等级分 Rating: 1414

组别 Group
U8

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	c3
2	d4	d5
3	Nc3	dxc4
4	Nxc4	Bf5
5	Nc3	Nf6
6	Nf3	e3
7	Bg5	Bc2
8	Bd3	Bxd3
9	Qxd3	0-0
10	0-0	h6
11	Bh4	IVbd7
12	Ne5	Rc8
13	Nd7	Qr d7
14	Rf1	Cf d8
15	Ne2	c5
16	c3	e5
17	Rcd1	exd4
18	Ld4	Qg4
19	Qg3	Qxg3
20	Bxg3	c4
21	Nc3	Bb4
22	Rc7	Bv27
23	d5	Bd4
24	Bh4	g4
25	Ba3	Bxg3
26	Ng3	Bd3
27	f3	Rcg6
28	ktz	iv
29	Ve4	Rd7
30	rd4	Nbb

	White	Black
31	IVf0	Rg7
32	IVx47	cid7
33	Rx47	Nsd7
34	Kc3	Kf6
35	f5	IVb6
36	Kd4	gxf4
37	gxf4	Kf5
38	Ke3	Nd7
39	Kf3	Nrd f4
40	g4	Kg5
41	Kg3	IVd5
42	Kg4f3	Nf3
43	b3	cab3
44	abb3	IVxg4
45	b4	h4
46	b5	b4
47	b6	axb6
48	Khg2	b5
49	kh3	b
50	Kb7	b3
51	Kf3	b2
52	klg2	b1a
53	Kf6	Qb8
54	Kb7	Qg8
55	Kf8	Qf7
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>Savin</u>	黑方 Black <u>张恩铭</u>
裁判 Arbiter <u>[Signature]</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 8/8/18 轮次 Round: 5 台次 Board: 5
 白方 White: Savinp 国籍 Federation: HKG 等级分 Rating: 1046
 黑方 Black: 张恩铭 国籍 Federation: 中国 等级分 Rating: 0

组别 Group

U8

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	c6
2	d4	d5
3	Nc3	dxe4
4	Nxe4	Bf5
5	Nc3	Nf6
6	Nf3	e6
7	Bg5	Be7
8	Bd3	Bxb3
9	Qxd3	0-0
10	0-0	h6
11	Bh4	Ng6
12	Ne5	Rc8
13	Nxd7	Qxd7
14	Re1	Rfd8
15	Ne2	c5
16	c3	e5
17	Rcd1	Bd4
18	axd4	Qg4
19	Qg3	Qxg3
20	Bxg3	c4
21	Nc3	Bb4
22	Re7	Bxe7
23	d5	Bd6
24	Bh4	g5
25	Bg3	Bxg3
26	hxg3	Rd6
27	f3	Rcd8
28	Ke2	Nxd5
29	Ne4	R6d7
30	Rd4	N66

	White	Black
31	Nf6+	Kg7
32	Nxd7	Rxd7
33	Rxd7	Nxd7
34	Ke3	Kf6
35	f4	N66
36	Nd4	gxf4
37	gxf4	Kf5
38	Ke3	Nd5+
39	Kf3	Nxf4
40	Qf4+	Kg5
41	Kg3	Nd5
42	Kf3	Nf6
43	b3	cxb3
44	axb3	Nxg4
45	b4	h5
46	b5	h4
47	b6	axb6
48	Kg2	b5
49	Kh3	g4
50	Kg2	b3
51	Kf3	b2
52	Kg2	61-22
53	Kf3	Qe1
54	Kg2	Qb+
55	Kf1	Qz#
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>Savinp</u>	黑方 Black <u>张恩铭</u>
裁判 Arbiter <u>[Signature]</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 5 台次 Board: 6
 白方 White: 张天宇 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____
 黑方 Black: 倪尊浩 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____
 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

组别 Group
U8

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	c5	31	g5	Rc5	61	Kc4	b2
2	Nf3	d6	32	Bc4	g6	62	Kd4	b1
3	d4	cd	33	f7	f7	63	Kc4	Kd3
4	Nd4	Nf6	34	Qe4	Qe7	64	Kc5	Qc1
5	Nc3	a6	35	Qh	Bd5	65	Kb4	Rd8
6	Bc4	e6	36	Rd5	Qd5	66	Kb3	Rd8
7	a3	Be7	37	Qd5	Rd5	67	Kc2	Qc7
8	Qd0	O-O	38	Bg6	Kb6	68	Ka1	Qa7
9	Bc3	Qc7	39	Bc4	Rd2	69		
10	Ba2	b5	40	Rg6	Kh5	70		
11	Qe2	Bb7	41	Rg2	Rd2	71		
12	f3	Nb7	42	Qf2	Qd5	72		
13	Ra1	Rc8	43	Bf3	Kh4	73		
14	Kh1	Rf8	44	Bg4	d4	74		
15	Bc1	Re8	45	Bg4	f6	75		
16	f4	h6	46	cd	e6	76		
17	f5	e5	47	Kf3	d3	77		
18	Nf3	Ng5	48	Kf4	Kd2	78		
19	Nd2	Re8	49	Kc5	Kd8	79		
20	Qd5	Nd5	50	Kc4	Rf7	80		
21	e4	Nd7	51	Ba3	Rd2			
22	c5	Nf6	52	Kf3	Rd2			
23	Nc4	Nc4	53	b4	Ra2			
24	Qe4	Bb6	54	Kf4	Kf3			
25	Q4	Ba8	55	Kc5	Rd4			
26	Rg1	Qe7	56	Kd5	Rb4			
27	Bc3	Rf7	57	Kc5	Kb3			
28	Qd3	Ba7	58	Kb6	Bb3			
29	Qd2	Be3	59	Ka6	Bb3			
30	Qc3	g5 Kh7	60	Kb5	b3			

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
<u>张天宇</u>	<u>倪尊浩</u>

裁判 Arbiter

Wang



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 5 台次 Board: 6
 白方 White 张硕望 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____
 黑方 Black 倪嘉浩 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____
 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

组别 Group
U8

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	c5	31	g4	Rc5	61	Kc4	b2
2	Nf3	d6	32	Bb1	g6	62	Kd4	d1=R
3	d4	Cd	33	f3	f9	63	Kc4	Rd3
4	Nd4	Nf6	34	Qe4	Qf7	64	Kc5	Qc1
5	Nf3	a6	35	g6	Bd5	65	Kd4	Kd8
6	Bc4	e6	36	Rd5	Rd5	66	Kb3	Rd8
7	a3	Be7	37	Qd5	Rd5	67	Ka2	Qc7
8	a4	a4	38	B7d	Kh6	68	Ka1	Ka2
9	Be3	Qc7	39	Bc4	Rd2	69		
10	Ba2	b5	40	Rg0	Kh5	70		
11	Qe2	Bb7	41	Rg2	Rg2	71		
12	f3	Nbd7	42	Kg2	Qd5	72		
13	Rd1	Rac9	43	Bf3	Kh4	73		
14	Kh1	Rfd8	44	h3	Qd	74		
15	Bc1	Re8	45	B34	Rd6	75		
16	f4	h6	46	Cd	d6	76		
17	f5	e5	47	Kdf3	d3	77		
18	Nf3	Nc5	48	Kf4	d2	78		
19	Nd2	Re8	49	Ke5	Rd8	79		
20	Nd5	Nd5	50	Ke4	d1=R	80		
21	ed	Nd7	51	Bd1	Rd1			
22	C3	Nf6	52	Kf3	Rd2			
23	Nd4	Nd4	53	h4	Ra2			
24	Qd4	Bf6	54	Kf4	Kf3			
25	g4	Ba8	55	Ke4	Ra4			
26	Rg1	Qe7	56	Kd5	Rd4			
27	Bh3	Rd7	57	Kc5	Rb3			
28	Qd3	B95	58	Kb3	D4			
29	Qd2	Be3	59	Ka6	Rd6			
30	Qe3	Kh7	60	Kb5	b3			

签名 Signature:

白方 White <u>张硕望</u>	黑方 Black <u>倪嘉浩</u>
裁判 Arbiter <u>[Signature]</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 5 August 轮次 Round: 5 台次 Board: 7
 白方 White DanBe 国籍 Federation HK 等级分 Rating _____
 黑方 Black Samuel Lam 国籍 Federation HK 等级分 Rating _____

组别 Group
V8

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	d4	d5	31	Bf4!!	Nd8	61		
2	c4	n16	32	Rc6!	Rb6	62		
3	nf3	Bg4	33	Bf5!	ed7	63		
4	Cx15	Rx15	34	Ba6!	Rd7	64		
5	gx13	Qxd5	35	Rb8	C61??!	65		
6	e3	e5	36	Bg5	Kc7	66		
7	n3	Bb5	37	Bx15	Kc6	67		
8	Bd2	Bxc3	38	Ke2	b5	68		
9	Bx6	Qd6	39	Rd6+		69		
10	Bg2	n16	40			70		
11	O-O	O-O-O	41			71		
12	Rb1	h5	42			72		
13	Qb3	b6	43			73		
14	Qx17	Kb8	44			74		
15	Qb3	g5	45			75		
16	Qd1	g4	46			76		
17	fxg5	hxg5	47			77		
18	f4	gx10	48			78		
19	Qx13	e4	49			79		
20	Qf4	Qx14	50			80		
21	Rx14	Rd6	51					
22	Rbc1	Ra6	52					
23	Rxe4	Rf8R8	53					
24	Rd6	Rb6	54					
25	Rc2	nd7	55					
26	Rx16	Rx16	56					
27	K11	a5	57					
28	Rf7	Kc6	58					
29	Bh3	Rd6	59					
30	e4!!	g4	60					

签名 Signature:

白方 White <u>Samuel</u>	黑方 Black <u>DanBe</u>
---------------------------	--------------------------

裁判 Arbiter



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 5 台次 Board: 7
 白方 White DanBe 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____
 黑方 Black Lim Chan Young Samuel 国籍 Federation HKG 等级分 Rating 1295

组别 Group
V8

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	d4	d5
2	c4	Nc6
3	Nf3	Bg4
4	cxd5	Rf3
5	gxf3	Qxd5
6	e3	e5
7	Nc3	Bb4
8	Bd2	Bxc3
9	bxc3	Qd6
10	Bg2	Nf6
11	0-0	0-0
12	Rb1	h5
13	Qb3	b6
14	Qxf7	Kb8
15	Qb3	g5
16	Qd1	g4
17	fxg4	hug4
18	f4	gxf3
19	Qxf3	e4
20	Qf4	Qxf4
21	Rxf4	Rdxf8
22	Rb1	Rh6
23	Rxd4	Rg8
24	Re6	Rhg6
25	Rf2	Nd7
26	Rxg6	Rxg6
27	Ke1	Qa5
28	Rd7 Kc8	
29	B43	Rd6
30	h4 h4	Bf4

	White	Black
31	h4	Nf8
32	Rc8	Rb3
33	Bf5	Rg7
34	Bg6	Rf7
35	Rg8	c6
36	Bf4	Kc7
37	Bxd5+	Kd6
38	Kc2	g3
39	Rb6+	
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>DanBe</u>	黑方 Black <u>Samuel</u>
裁判 Arbiter <u>[Signature]</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2016.11.25 轮次 Round: 5 台次 Board: 8
 白方 White: 郭非 国籍 Federation: CHN 等级分 Rating: _____
 黑方 Black: _____ 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____

组别 Group
U8

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

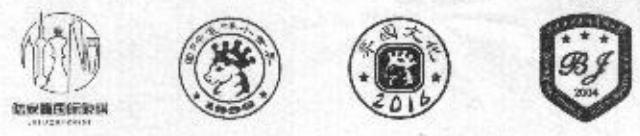
	White	Black
1	d4	d5
2	c5	c6
3	Nc3	e6
4	e3	Bb4
5	Nf3	Nf6
6	Bd2	0-0
7	Bd3	b6
8	Ne5	Bc3
9	Bc3	d6
10	Bc4	Nd5
11	Qc2	f3
12	Ng4	Kh8
13	Bd3	e5
14	Be2	e4
15	cd	Bg4
16	Bg4	Re8
17	Bf3	Qd4
18	0-0	Qe7
19	Rfd1	Qc7
20	Rc4	Rc8
21	Rd3	Na6
22	Rg3	Nc5
23	Bg4	Rd8
24	Be2	h6
25	Bf5	Bf5 Bb6
26	Bf5	Rg8
27	Bg4	Qe7
28	h3	ae5
29	g3	Rd3
30	Rd3	Rd3

	White	Black
31	Bf3	Qd6
32	Rd1	Rd1
33	Qd1	Qd1
34	Bd1	Ne6
35	Bb3	Nc7
36	Kg2	c5
37	Kf3	Nb5
38	Kf3	Nd6
39	Kf3	Kh7
40	Ke2	Ke6
41	g4	Kg5
42	Kf1	Ne4
43	Bc2	Nd7
44	kg2	a5
45	kg3	a5
46	f4	Kh8
47	Kh4	g5
48	f9	f9
49	Kg3	h4
50	Kf2	Nc4
51	e4	Ke7
52	Ke2	Kf7
53	Kd3	Ne5
54	Nc3	b5
55	Kb3	Nf3
56	Bd3	cd
57	Kf3	cd
58	Kd3	Ng8
59	Ke3	Na6
60	Kf3	a6

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
郭非	沈
裁判 Arbiter	
[Signature]	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 5 台次 Board: 8
 白方 White 郭亦非 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____
 黑方 Black 沈 国籍 Federation CHINA 等级分 Rating 1200
 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

组别 Group
U8

	White	Black		White	Black		White	Black
1	d4	N5	31	Rd3 Qe2	Bd3	61	Kf3	Qf
2	c4	c6	32	Rc3	Bc3	62		
3	Nc3	eb	33	Qe2	Re2	63		
4	Q3	Bb5	34	Rd4	Qe2	64		
5	Nf3	Nf6	35	Qe1	Be1	65		
6	Be2	d7	36	Nc3	Bb3	66		
7	Bd3	b6	37	Nf3	Kf3	67		
8	Nf3	Bc3	38	f5	Kf3	68		
9	Bc3	dc	39	Nb5	Kf5	69		
10	Bd4	Nd5	40	Nb6	Ke3	70		
11	Qc2	f6	41	Kh7	gke2	71		
12	Ng4	Kh8	42	Ke3	g4	72		
13	Ba3	Nc3	43	Ke1	Ne2	73		
14	C6	ds	44	Ba3	Ne2	74		
15	Bd2	ed	45	Ke3	h5	75		
16	Cd	Bg4	46	Kh5	h5	76		
17	Bd4	Re8	47	f4	Ke1	77		
18	Bc3	Qd4	48	Ke1	g6	78		
19	O-O	Re7	49	f3	f3	79		
20	Rf1	Qf7	50	Ke2	h5	80		
21	Rac1	Re7	51	Ke2	Nf5			
22	Rd3	Ne6	52	e4	Ke7			
23	Re3	Ne6	53	Ke3	Ke6			
24	Bd4	Re7	54	Ke3	Ne5			
25	Bd5	h6	55	Ke3	f4			
26	Rh7	Rd6	56	Ke3	Nf3			
27	Bf5	Rd8	57	Bc3	f4			
28	Bd4	Qe7	58	Ke3	f2			
29	h3	Qe7	59	Ke3	Nf3			
30	g3	Re3	60	Ke3	Nd3			

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
<u>郭亦非</u>	<u>沈</u>
裁判 Arbiter	
<u>W</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 5/8/18 轮次 Round: 8 5 台次 Board: 9
 白方 White 杨昀彦 国籍 Federation TPE 等级分 Rating 0
 黑方 Black Gerrard Lim 国籍 Federation SGP 等级分 Rating 0

组别 Group
u8M

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	d5	31	Nxc5	b6	61		
2	exd5	Nf6	32	Nd3	Re4	62		
3	Nf3	Nxd5	33	Re1	Nd5	63		
4	Bc4	Nb6	34	Kf2	Kf6	64		
5	Bb3	Bf5	35	Nf4	Nxf4	65		
6	O-O	eb	36	exf4	Rxf4	66		
7	d4	Be7	37	Ke1	Rd4	67		
8	Nc3	O-O	38	Rf1	Ke6	68		
9	Bf4	Nd7	39	Re4+	Re1	69		
10	d5	Nf6	40	Rd8	Rd1+	70		
11	dxe6	Bxe6	41	Kf2	Rd2+	71		
12	Bxe6	fxe6	42	Re2	Rd5	72		
13	Qxd8	Rxd8	43	Ke3	Re5	73		
14	Ng5	Re8	44	Kd2	Ra5	74		
15	Nxe6	Ne6	45	Ka4	b5	75		
16	Nxc7	Rc8	46	axb5	Rb5	76		
17	Ne6	h6	47	Kc1	Ba5	77		
18	Rfd1	Rc6	48	Rd2	Rb2 Kc5	78		
19	Rxd7	Nbxd7	49	Kb2	a4	79		
20	Nd4	Rc4	50	Ka3	axb3	80		
21	Ne6	Re6	51	cxb3	Ra5 + Ra5			
22	Nd4	Rc4	52	Kb2	Rb5			
23	Be3	Bc5	53	Rc2+	Kb6			
24	Ne6 Bxe6	fxe6 Bxe6	54	Re4	Rg5			
25	fxe6	Rc6	55	g3	Kb5			
26	Nd8	Rb6	56	Rc3	Rh5			
27	b3	Kf8	57	h4	g5			
28	Nh4	Rb4	58	hxg5	hxg5			
29	Nb4	Kf7	59	Ka3	Rh6			
30	Nc5	Nxc5	60	b4				

签名 Signature:

白方 White <u>杨昀彦</u>	黑方 Black <u>Gerrard</u>
裁判 Arbiter <u>[Signature]</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 85 台次 Board: 9

白方 White 楊明 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

黑方 Black Gerrard Lim 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

组别 Group
U8

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

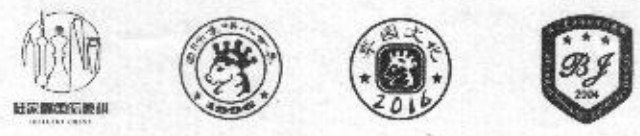
	White	Black
1	e4	d5
2	exd5	Nf6
3	Nf3	Nxd5
4	Bc4	Nb6
5	Bb3	Bf5
6	0-0	e6
7	d4	Be7
8	Nc3	0-0
9	Bf4	Nd7
10	d5	Nf6
11	dxex6	Bxe6
12	Bxe6	fxe6
13	Qxd8	Raxd8
14	Ng5	Rfe8
15	Nxe6	Rd7
16	Nxc7	Rc8
17	Ne6	h6
18	Rfd1	Rcb
19	Rxd7	Nxd7
20	Nd4	Rc4
21	Ne6	Rc6
22	Nd4	Rc4
23	Be3	Bc5
24	Ne6	Bxe3
25	fxe3	Rc6
26	Ne Nd8	Rb6
27	b3	Kf8
28	Rb4	Ne6+
29	Kf1	Ne Nc5
30	Nxc5	Nxc5

	White	Black
31	b6	Ne Nd3
32	Re4	Re1
33	Nd5	Kf2
34	Kf6	Nf4
35	Nxf4	exf4
36	Rxf4+	Kg1
37	Rf1Rd4	Rf1+
38	Kd6	Rd1+
39	Ke6	RettRd1
40	Kf2	Re2
41	Ree2	Rd5
42	Ke3	Re5+
43	Kd2	Ra5
44	a4	b5
45	axb5	Rxb5
46	Kc1	a4
47	Rd2f	Ke Kc5
48	Ke kb2	a3
49	Ka3	axb3
50	cxax3	Raxf
51	Kb2	Rb5
52	Rc2+	Kb6
53	ReRc4	Rg5
54	g3	Kb5
55	Rc3	Rh5
56	hxg5	hxg5
57	b4	
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>楊明</u>	黑方 Black <u>Gerrard</u>
裁判 Arbiter <u>R</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 8/ 轮次 Round: 65 台次 Board: 10 组别 Group: u8

白方 White: Darren Tan 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____

黑方 Black: 林青实 国籍 Federation: 中国 等级分 Rating: _____

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	e5
2	Nf3	Nf6
3	Ne4	d6
4	Nf3	Ne4
5	Qe2	Qe7
6	g3	Nf6
7	Qe7	Be7
8	Bg2	d5
9	Nc3	c6
10	O-O	O-O
11	d4	Bc5
12	Ne1	Nab6
13	Bc4	Rf8
14	Rc1	Bb4
15	Nf3	Bc3
16	bc	Re2
17	Nd2	Ree8
18	Rb1	b5
19	Rfc1	Nb8
20	Ne1	Nbd7
21	Ne3	Bg6
22	Bh3	Nb3
23	Bc5	Bc5
24	Nc5	Ne4
25	Rb3	Nc4
26	Ne3	Ne3
27	fe	a5
28	a4	ba
29	Ra3	Rec8
30	kg2	g5

	White	Black
31	kg2 Bg5	Ng5
32	Ra4	Re8
33	Re1	Ne4
34	C4	dc
35	Rc4	Rab
36	Ra1	Rea8
37	Rca4	kf8
38	kf3	Nd6
39	kf4	f6
40	e4	ke7
41	e5	fe
42	ke4	Nf7
43	kf5	c5
44	dc	Rf6
45	ke4	N05
46	kd4	Rd8
47	Kc5	Rf2
48	Re1	kf7
49	f3	Rf2
50	Ra5	Rh3
51	Ra7	k98
52	ree1	kh8
53	Rhc7	Reb
54	Rg7	Re5
55	kb5	Rp8
56	Rb7	Rb7
57	Rb7	Re5
58	kb0	Ne6
59	c6	Re3
60	c7	Nc7

	White	Black
61	Rc7	Re3
62	C4	a4
63	c5	h4
64	c6	h3
65	Rc8	kh7
66	C7	a7
67	Ra8	k98
68	Qc8	Rg8
69	Qab	k97
70	Qa7	Rf8
71	Qc7	Rf7
72	Qe5	Rf6
73	Kc7	kg6
74	Kd7	Rf7
75	Ke6	Rg7
76	Qf5	k6b
77	Qf8	kg6
78	Qfb	kh7
79	kf5	k98
80	Qeb	kh7

签名 Signature:

白方 White <u>Darren Tan</u>	黑方 Black <u>林青实</u>
裁判 Arbiter <u>W</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____

轮次 Round: 5

台次 Board: 10

组别 Group

白方 White Darrentan 国籍 Federation _____

等级分 Rating _____

黑方 Black 林青实 国籍 Federation _____

等级分 Rating _____

U8

结果 Result:

1-0

0-1

1/2-1/2

	White	Black		White	Black		White	Black
81	Qe4	Rg6	31			61		
82	Qe7	Rg7	32			62		
83	Qh4	Kh8	33			63		
84	Kf6	Rf7	34			64		
85	Ke6	Rg7	35			65		
86	Qh6	Re7	36			66		
87	Kd6	Rh7	37			67		
88	Qg6	Rg7	38			68		
89	Qe8	Kh7	39			69		
90	Ke6	Rg6	40			70		
91	Kf7	Kh6	41			71		
92	Qe3		42			72		
93			43			73		
94			44			74		
95			45			75		
96			46			76		
16			47			77		
17			48			78		
18			49			79		
19			50			80		
20			51					
21			52					
22			53					
23			54					
24			55					
25			56					
26			57					
27			58					
28			59					
29			60					
30								

签名 Signature:

白方 White <u>Darrentan</u>	黑方 Black <u>林青实</u>
裁判 Arbiter <u>[Signature]</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 05/08/18 轮次 Round: 5 台次 Board: 10
 白方 White: Darren E 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____
 黑方 Black: 林青实 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____

组别 Group
U8

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	e5
2	Nf3	Nf6
3	Nxe5	d6
4	Nf3	Nxe4
5	Qe2	Qe7
6	g3	Nf6
7	QxQe7	BxQe7
8	Bg2	e5
9	Nc3	d6
10	O-O	O-O
11	d4	Bf5
12	Nel	Na6
13	Bf4	Re8
14	Rc1	b4
15	Nf3	BxNc3
16	b1xBc3	Re2
17	Nd2	Re8
18	Rb1	b5
19	Rfc1	Nb8
20	Nf1	Nb8d7
21	Ne3	Bg6
22	Bf3	Nb6
23	Bf5	PxBf5
24	NxBf5	Ney4
25	Rb3	Nc4
26	Ne3	NxNe3
27	f2xNe3	a5
28	a4	bsxa4
29	Ba3	Resc8
30	Kg2	g5

	White	Black
31	Bxg5	NxBg5
32	Rxa4	Re8
33	Re1	Ney4
34	c4	esxc4
35	Rxc4	Ra6
36	Ra1	Resa6
37	Rc4a4	Kf8
38	Kf3	Nd0
39	Kf4	f6
40	e4	Ke7
41	e5	f6xe5
42	Kxe5	Nf7
43	Kf5	c5
44	d4xc5	Rf8+
45	Ke4	Nb5+
46	Kd4	Rd8+
47	Kf4	Rf2
48	Relt	Kf7
49	c3	B2
50	Rxa5	Rh6
51	Ra2+	Kg8
52	Re1e7	Kg8
53	Rac7	Re6
54	Rg7	Re4+
55	Kb5	Pb8+
56	Rb7	RxRb7+
57	RxRb7	Re8
58	Kb6	Ne6
59	c6	Re3
60	c7	Nxc7

	White	Black
61	RxNc7	Rxg9
62	c4	h4
63	c5	h4
64	c6	h3
65	Rc8	Kh7
66	c7	h2
67	Rh8+	KxRh8
68	c8=Mt	Rg8
69	Qh3+	Kg7
70	Qxh2	Rf8
71	Qc7+	Re7
72	Qe5+	Rf6+
73	Kc7	Kh6
74	Kd7	Rf7+
75	Ke6	Rg7
76	Qf5+	Kh6
77	Qf8	Kh6
78	Qf6+	Kh7
79	Kf5	Kh8
80	Qe6	Kh6

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
Darren E	林青实
裁判 Arbiter	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 5 台次 Board: 10
 白方 White Darren.F 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____
 黑方 Black 林青实 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____
 结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

组别 Group
U8

	White	Black
1	Qe4	Rg8
2	Qe7+	Rg7
3	Qh4+	Kg8
4	Kf6	R47+
5	Ke6	Rg7
6	Qh6	Re7+
7	Kd6	Rh7
8	Qg8+	Rg7
9	Qe8+	Kh7
10	Ke6	Rg8+
11	Kf7	Kh6
12	Qe3+	
13		
14		
15		
16		
17		
18		
19		
20		
21		
22		
23		
24		
25		
26		
27		
28		
29		
30		

	White	Black
31		
32		
33		
34		
35		
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>Darren.F</u>	黑方 Black <u>林青实</u>
裁判 Arbiter <u>[Signature]</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 第 5 台次 Board: 4

白方 White Li Sixing 国籍 Federation China 等级分 Rating 0

黑方 Black Ray Tan 国籍 Federation Singapore 等级分 Rating 0

组别 Group
48

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	d4	d5	31	Nd3	Kf8	61		
2	c4	e6	32	Kf2	Rc8	62		
3	Nf3	Nf6	33	d5	b5	63		
4	e3	Bb7	34	a6	Rc5	64		
5	Bd3	O-O	35	Ke2	Rc2	65		
6	O-O	Nbd7	36	Ke3	Rg2	66		
7	Nbd2	c5	37	Nf4	Rb2	67		
8	cd	ed	38	Nd3	Rc2	68		
9	b3	b6	39	Rd5	Rc6	69		
10	Bb2	c6	40	Nf4	Rd6	70		
11	Bd4	Bd7	41	Kd4	Ke8	71		
12	Bd2	Nc5	42	Nd5	Nd5	72		
13	Qc2	Nd3	43	Kd5	Kd1	73		
14	Qd3	Ne4	44	Kc5	Kc7	74		
15	K3	Nc5	45	Rb5	Rd6	75		
16	Qc3	B76	46	Kd5	Rb6	76		
17	Qc2	Bb2	47	Rb6	cb	77		
18	Qb2	Ba6	48	b3	Kd7	78		
19	Rd1	Be2	49	Ke5	f6	79		
20	Rd6	Bf3	50	Kd5	g6	80		
21	Nf3	Qe7	51	K4	h5			
22	Rd1	Ra4	52	g4	f5			
23	Qe5	Qe7	53	Ke5	Ke7			
24	Ne5	Rd6	54	Kd4	Kd7			
25	b4	Ne4	55	Ke5	Kd1			
26	f3	Nf6	56	Kd5	Kd7			
27	d4	Re8	57	Ke5	Ke7			
28	Nc4	Rdd8	58	Kd5	Kd7			
29	Nb2	Re3	59					
30	Rd3	Rd3	60					

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
<u>刘</u>	<u>Ray Tan</u>

裁判 Arbiter

[Signature]



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 1 ~~5~~ 台次 Board: 11

白方 White LIUSI XIAO 国籍 Federation China 等级分 Rating 0

黑方 Black RAY TAN 国籍 Federation Singapore 等级分 Rating 0

组别 Group
U8

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black		White	Black		White	Black
1	d4	d5	31		Rd3	61		
2	c4	e6	32	Nd3	Kf8	62		
3	Nf3	Nf6	33	Rf2	Rc8	63		
4	e3	Be7	34	a5	b5	64		
5	Bd3	0-0	35	ab	Rc3	65		
6	0-0	Nbd7	36	Ke2	Rc2+	66		
7	Nbd2	c5	37	Ke3	Rg2	67		
8	cd5	ed5	38	Nf4	Rb2	68		
9	b3	b6	39	Nd3	Rc2	69		
10	Bb2	cd4	40	Ra5	Rc6	70		
11	Bd4	Bb7	41	Nf4	Rb1	71		
12	Bb2	Nc5	42	Ke8	Nd5	72		
13	Qc2	Nd3	43	Nd5	Ke5	73		
14	Qd3	Ne4	44	Kc5	Kc7	74		
15	h3	Nc5	45	Rb5	Ra6	75		
16	Qc3	Bf6	46	Rb6		76		
17	Qc2	Bb2	47	Rb6	a6b6	77		
18	Qb2	Qb2	48	b5	Kd7	78		
19	Bd6	Rfd1	49	Ke5	T6+	79		
20	Bc2	Rb1	50	Kd5	g6	80		
21		Bf3	51	h4	h5			
22	Nf3	Qe7	52	f4	f5			
23	Rbd1	Rad8	53	Ke5	Ke7			
24	Qe5	Qe5	54	Kd7	Ke5			
25	Ne5	Rd6	55	Ke7	Kd5			
26	b4	Ne4	56	Kd7	Ke5			
27	f3	Nf6	57	Ke7	Kd5			
28	Rfe8	Nc4	58	Kd7				
29	Rbd8	Nb2	59					
30	Re3	Rd3	60					

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
<u>刘</u>	<u>RAY TAN</u>
裁判 Arbiter	
<u>N</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018-8-5 轮次 Round: 7-5 台次 Board: 12 组别 Group: 48

白方 White: Tang gen 国籍 Federation: CHN 等级分 Rating: —

黑方 Black: Yu Liyang 国籍 Federation: CHN 等级分 Rating: —

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	e5
2	Nf3	Nc6
3	Nc3	Nf6
4	Bb5	Bb4
5	O-O	O-O
6	d3	Bc3
7	bc	a6
8	Bb Bc6	dc
9	Bg5	Bg4
10	ed	cd
11	Qd4	ef
12	Qd1	Rac1
13	Bf3	gf
14	g6	Bh6
15	Rd8 Rd8 Rd8	Rfe1
16	Rd6	Rd8
17	Rd6	cd
18	d5	Bd7 Be3
19	d4	Bf4
20	h6	Bh5
21	Kh7	Bg7
22	c4	Re7
23	d3	Re1
24	d2	Rd1
25	c3	Kf1 Ke
26	Re8	af
27	d5	Bd Bf8
28	Rf8	Ke8 Ke3
29	K Re8	ab
30	a5 a5 ab	Kd3

	White	Black
31	Rd1	Rb8
32	b4 b3	h4
33	Kh6	af2
34	Kh7	
35		
36		
37		
38	0	1
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>唐根</u>	黑方 Black <u>俞立洋</u>
-----------------------	------------------------

裁判 Arbiter

R



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2016.8.5 轮次 Round: 5 台次 Board: 12 组别 Group: U8
 白方 White: Tang gen 国籍 Federation: China 等级分 Rating: 2
 黑方 Black: Yu Yiyang 国籍 Federation: China 等级分 Rating: 1

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	e5	31	Ke2	Kc5	61		
2	Nf3	Nc6	32	db	db	62		
3	Nc3	Nf6	33	Rb1	Rb8	63		
4	Bb5	Bb4	34	Kd3	B4	64		
5	O-O	O-O	35	h4	Kh6	65		
6	d3	Bc3	36	f4	Kh7	66		
7	bc	d6	37			67		
8	Bc6	d6	38			68		
9	Bg5	Bg4	39			69		
10	d4	d4	40			70		
11	d4	c5	41			71		
12	e5	Qd4	42			72		
13	ef	Qd5	43			73		
14	Rad8	Rf3	44			74		
15	gf	g6	45			75		
16	Bh6	Rf4	46			76		
17	Rf1	Rd6	47			77		
18	Bg7	Rad8	48			78		
19	Rd6	d6	49			79		
20	Bh6	d5	50			80		
21	Be3	d6	51					
22	Bf4	h5	52					
23	Bh6	Kh7	53					
24	Bg7	c4	54					
25	Rd7	d3	55					
26	Re1	d2	56					
27	Rd1	e3	57					
28	Kf1	Kg8	58					
29	d4	b5	59					
30	Bf8	Rf8	60					

签名 Signature:

白方 White <u>Tang gen</u>	黑方 Black <u>俞懿洋</u>
裁判 Arbiter <u>[Signature]</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 5.18/18 轮次 Round: 5 台次 Board: 13
 白方 White Lin Leon Brian 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____
 黑方 Black Gabriel 国籍 Federation Hong Kong 等级分 Rating _____

组别 Group
U8

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	e5	31			61		
2	Nf3	Nc6	32			62		
3	Bc4	Bc5	33			63		
4	c3	d6	34			64		
5	d4	Bb6	35			65		
6	Be3	exd4	36			66		
7	cxd4	Nf6	37			67		
8	Nc3	Ba5	38			68		
9	Bd3	d5	39			69		
10	e5	nd7	40			70		
11	h3	O-O	41			71		
12	Bxh7+	Kh8	42			72		
13	Bd3	Nb6	43			73		
14	O-O	Re8	44			74		
15	Nd5	Re6	45			75		
16	Qh5+	Kg8	46			76		
17	Qh7+	Kf8	47			77		
18	Qh8+	Ke7	48			78		
19	Qxg7	Kd7	49			79		
20	Nxe6	Rxe6	50			80		
21	Qxf7+	Re7	51					
22	Bf7#		52					
23			53					
24			54					
25			55					
26			56					
27			57					
28			58					
29			59					
30			60					

签名 Signature:

白方 White 林敬軒	黑方 Black Gabriel
-----------------	---------------------

裁判 Arbiter



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: B5 台次 Board: 13 组别 Group: U8

白方 White 林敬軒 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

黑方 Black cahnel 国籍 Federation Hong Kong 等级分 Rating _____

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	e5	31			61		
2	Nf3	Nc6	32			62		
3	Bc4	Bc5	33			63		
4	c3	d6	34			64		
5	d4	Bb6	35			65		
6	Be3	ed	36			66		
7	cd	Nf6	37			67		
8	Nc3	Ba5	38			68		
9	Bd3	d5	39			69		
10	e5	Nd7	40			70		
11	h3	O-g8	41			71		
12	Bxh7	Kh8	42			72		
13	Bd3	Nb6	43			73		
14	O-O	Re8	44			74		
15	Ng5	Be6	45			75		
16	Qh5+	kg8	46			76		
17	Qh7+	kf8	47			77		
18	Qhg+	Qxg7	48			78		
19	Kxg7	Nxe6	49			79		
20	Rxe6	Qxf7	50			80		
21	Re7	Bf5+	51					
22			52					
23			53					
24			54					
25			55					
26			56					
27			57					
28			58					
29			59					
30			60					

签名 Signature:

白方 White <u>林敬軒</u>	黑方 Black <u>cahnel</u>
------------------------	---------------------------

裁判 Arbiter



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: B 5 台次 Board: 14 组别 Group: u8

白方 White 招办队 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

黑方 Black 郑亦洋 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	e6
2	Nc3	d5
3	ed	ed
4	Nf3	Nf6
5	Be2	c6
6	0-0	Be7
7	d4	Bf5
8	Bf4	Nbd7
9	Bd3	Bd3
10	Qd3	0-0
11	Re1	Bf6
12	Nf6	Rf6
13	c5	dc
14	Bc5	Re8
15	Qe2	Nbd5
16	Nd5	Qd5
17	Qb5	Re1
18	Bf2	Qd5 Kf2
19	Qd5	b3
20	Rc1	c4
21	Qc5	Kf1
22	Qa3	c5
23	a4	a5
24	b3	h6
25	h4	f6
26	b4	g5
27	h5	Qb4
28	Kg2	Qd4
29	Kh8	Qf3
30		

	White	Black
31		
32		
33		
34		
35		
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>招办队</u>	黑方 Black <u>郑亦洋</u>
裁判 Arbiter <u>R</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.08.05 轮次 Round: 25 台次 Board: 14 组别 Group: U8
 白方 White: 招亦凡 国籍 Federation: 中国 等级分 Rating: 0<
 黑方 Black: _____ 国籍 Federation: 中国 等级分 Rating: 1

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	e6	31			61		
2	Nc3	d5	32			62		
3	ed1	Nf8	33			63		
4	Nf6	e2	34			64		
5	cb	0-0	35			65		
6	Be7	d7	36			66		
7	Bf4	Nd7	37			67		
8	Bd3	bds	38			68		
9	Qd3	0-0	39			69		
10	Bg5	Rf8	40			70		
11	Bf6	Nf8	41			71		
12	Re1	e5	42			72		
13	dc	Bc5	43			73		
14	Re8	Nd5	44			74		
15	Nd5	Qd5	45			75		
16	Qb5	Re1	46			76		
17	Bf2	Kf2	47			77		
18	Qd5	b3	48			78		
19	Re8	e4	49			79		
20	Qc5	Kf1	50			80		
21	Qa3	Qc5	51					
22	a4	g3	52					
23	h4	fb	53					
24	g4	g5	54					
25	h5	Kg2	55					
26	Qg4	Kh1	56					
27			57					
28			58					
29			59					
30			60					

签名 Signature: 招亦凡

白方 White <u>招亦凡</u>	黑方 Black <u>李俊</u>
------------------------	-----------------------

裁判 Arbiter: R



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date:

轮次 Round: 4

台次 Board: 15

组别 Group

白方 White 朱明浩洋 国籍 Federation 12928

等级分 Rating

黑方 Black 徐昕晴 国籍 Federation 13601

等级分 Rating

U8

结果 Result:

1-0

0-1

1/2-1/2

	White	Black
1	e4	e5
2		Nf3 d6
3	Bc4	Nb6
4		Nf5 e6
5	O-O	Qg5
6		d3 Qd8
7	Nf3	Nf6
8		Bf4 Be7
9	Re1	Be7
10		Re3 a6
11	g6	Bh6
12		Re8 Ne2
13	Bf8	Be8
14		Ke8 Nf8
15	Qf4	Qf6
16		Qd6 Qe7
17	e5	Qc1
18		b5 Bb3
19	a5	a3
20		Q4 Ba2
21	Be6	Bb1
22		Nd4 Nd4
23	cd	c4
24		Rac1 Qe1
25	Kc	d4
26		Be4 Bb3
27	Bb3	Rd3
28		Qe7 Rdd1
29	Nf6	h3
30		g3

	White	Black
31	Qe4	Qd2
32		Rd2 Qb7
33	Kb8	b3
34		Qe2 Ba
35	Qf2	Kh8
36		Qd#
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
<u>朱明浩洋</u>	<u>徐昕晴</u>
裁判 Arbiter	
<u>[Signature]</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 5/2/2018 轮次 Round: 05 台次 Board: 15 组别 Group: 48
 白方 White: 朱明浩洋 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____
 黑方 Black: 徐浙晴 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	c5	31	A3	Qc2	61		
2	Nf3	d6	32	Q3	Qc4	62		
3	Bc4	Nc6	33	Qd2	Rc2	63		
4	Ng5	e6	34	Qb4	Kg8	64		
5	O-O	Qd5	35	b3	Qd2	65		
6	d3	Qd8	36	bc	Qf2	66		
7	Nc3	Nf6	37	Kh1	Qg2#	67		
8	Bc4	Be7	38			68		
9	Rc1	O-O	39			69		
10	Rc3	a6	40			70		
11	Rg3	g6	41			71		
12	Bh6	Rf8	42			72		
13	Nb2	Bxf8	43			73		
14	Bf8	Kf8	44			74		
15	Qc1	Qd8	45			75		
16	Qf4	Qf6	46			76		
17	Qd6	Qd4	47			77		
18	Qx4	Qx4	48			78		
19	Qc1	Qd5	49			79		
20	Bf3	Qd5	50			80		
21	Qd3	Qf4	51					
22	Ba2	Be6	52					
23	Bb1	Nd4	53					
24	Nd4	cd	54					
25	c4	Rc8	55					
26	Qe1	Qc	56					
27	dc	Bc4	57					
28	Bd3	Bd3	58					
29	Qd3	Qc7	59					
30	Rd1	Nc6	60					

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
朱明浩洋	徐浙晴

裁判 Arbiter

(Handwritten signature)



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2019.8.05 轮次 Round: 第 5 台次 Board: 16
 白方 White 孙致斌 国籍 Federation china 等级分 Rating _____
 黑方 Black 张致斌 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

组别 Group
u8

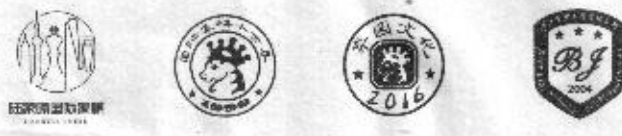
结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black		White	Black		White	Black
			1	PE4	PC84		61	
			2	NH3	KC3		62	
			3	0-0	VF3		63	
			4	NA3	PHB2		64	
			5	PF4	PD3		65	
			6	DF4	b175		66	
			7	BE2	0122		67	
			8	PF3	NP3		68	
			9	0122	NH3		69	
			10	QE2	BC3		70	
			11	KG2	PE4		71	
			12	KG1	NH2		72	
			13	KG2	VB4		73	
			14	KG1	F3		74	
			15	KG2	PC3		75	
			16	KG1			76	
			17				77	
			18				78	
			19				79	
			20				80	
			21					
			22					
			23					
			24					
			25					
			26					
			27					
			28					
			29					
			30					
			31					
			32					
			33					
			34					
			35					
			36					
			37					
			38					
			39					
			40					
			41					
			42					
			43					
			44					
			45					
			46					
			47					
			48					
			49					
			50					
			51					
			52					
			53					
			54					
			55					
			56					
			57					
			58					
			59					
			60					

签名 Signature:

白方 White <u>孙致斌</u>	黑方 Black <u>张致斌</u>
------------------------	------------------------

裁判 Arbiter
[Signature]



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 5/8/2018 轮次 Round: 5 台次 Board: 16
 白方 White 孙俊 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____
 黑方 Black 张俊诚 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

组别 Group
48

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	f5
2	Be2	Nf6
3	e5	d6
4	Nf6	Nh4
5	Be7	03
6	h4	d6
7	g3	Bh3
8	Rf1	g7
9	B3	0=0
10	5d7	Nh7
11	g4	+6
12	h4	h4
13	h7	h2
14	g2	Bc6
15	h9	B5
16	h2	f5
17	h4	g4
18	h7	e6
19	h2	f7
20	0-3	Rf7
21	h7	g7
22	h7	Bh5
23	Rd1	Rf8
24	h5	B95
25	h2	g4
26	h1	Bh4
27		
28		
29		
30		

	White	Black
31		
32		
33		
34		
35		
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White 	黑方 Black
裁判 Arbiter 	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.4 轮次 Round: 65 台次 Board: 17
 白方 White: 刘子通 国籍 Federation: 中国 等级分 Rating: 0
 黑方 Black: _____ 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____

组别 Group
U8

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

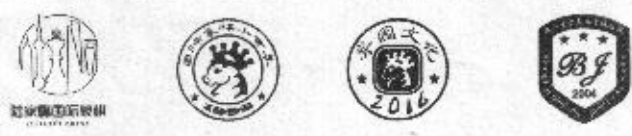
	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	c5	31	Kg5	R7a	61		
2	Nc3	Rnc6	32	Ra7	Qa7	62		
3	Nf3	e5	33	Kb4	Re8	63		
4	Bd5	g6	34	Kb1	#BQb7	64		
5	Bc6	d6	35	Ka5	Ra8	65		
6	Nc5	Bb6	36			66		
7	Ng4	Bg4	37			67		
8	Qg4	Nf6	38			68		
9	Qf3	B5	39			69		
10	e5	Be2	40			70		
11	Ne2	Rc8	41			71		
12	Qe3	Ng4	42			72		
13	Qg5	Qg5	43			73		
14	g3	f5	44			74		
15	f4	0-0	45			75		
16	e5	Qf2	46			76		
17	Kd1	Ne5	47			77		
18	c3	Ng4	48			78		
19	d4	Nh2	49			79		
20	Nf4	g5	50			80		
21	Nh5	Qf3	51					
22	Kc2	Qh1	52					
23	g4	Qe4	53					
24	Kd2	Nf3	54					
25	Kd1	Qe1	55					
26	Kc2	Qe2	56					
27	Kb3	c4	57					
28	Kb4	Rc7	58					
29	be	be	59					
30	Ra6	Qe7	60					

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
<u>刘子通</u>	<u>Tiger</u>

裁判 Arbiter

R



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 5 台次 Board: 17 组别 Group: U8
 白方 White: _____ 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____
 黑方 Black: 平来恩 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____
 结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	c5	31	Ka5	Ra7	61		
2	Nc3	Nf6	32	Ra7	Qa7	62		
3	Nf3	e5	33	Kf3	Rb8	63		
4	Bb5	a6	34	Kb5	Qb7	64		
5	Bc6	pg	35	ka4	Ra8#	65		
6	Nat	Bp6	36			66		
7	Ng4	Bg4	37			67		
8	Qg4	Nf6	38			68		
9	Qf3	B5	39			69		
10	e5	Be7	40			70		
11	Ne2	Rc8	41			71		
12	Qe3	Ng4	42			72		
13	Qg5	Qg5	43			73		
14	g3	Qf5	44			74		
15	f4	o6	45			75		
16	fe	Qf2	46			76		
17	Kd1	Ne5	47			77		
18	c3	Ng4	48			78		
19	e4	Vh2	49			79		
20	Nf4	g4	50			80		
21	Nh5	Qaf3	51					
22	Ko2	Qh1	52					
23	Q4	Qe4	53					
24	Ko2	Nf3	54					
25	Kd1	Qe1	55					
26	Kc2	Qe2	56					
27	Kb3	c4	57					
28	Kb4	Rc7	58					
29	aB	RcB	59					
30	Ra6	Qe2	60					

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black

裁判 Arbiter

